ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN

Thông tin văn bản đến	Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Sở
Số công văn: 2359	
Ngày đến: 23/12/2016	
Ngày hoàn thành:	
Phòng/đơn vị phân công xử lý	
	Ngày 23 tháng 12 năm 2016
	Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo khối
Ngày ..... tháng ..... năm 2016	*Ngày ..... tháng ..... năm 2016*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2359/QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 21 tháng 12 năm 2016*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số ..... Ngày 23/12/2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 06 năm 2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/TTLT-BGTVT-BKHĐT ngày 17/01/2012 về Hướng dẫn nội dung, trình tự lập quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-BGTVT ngày 26/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Quy hoạch chi tiết vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-BGTVT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt điều chỉnh bổ sung Quyết định số 2288/QĐ-BGTVT ngày 26/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Quy hoạch chi tiết vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 19/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh phát triển giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt đề cương và dự toán Quy hoạch phát triển vận tải tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định 621/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về trình tự lập, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét Báo cáo thẩm định Quy hoạch phát triển vận tải tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 tại Văn bản số 337/BCTĐ, ngày 13/12/2016 của Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch và đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 167/TTr-SKH-THQH ngày 13/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển vận tải

1.1. Quan điểm phát triển

- Phát triển hợp lý, đồng bộ về cơ sở hạ tầng, luồng tuyến và phương tiện vận tải. Chú trọng nâng cao chất lượng mạng lưới đường bộ, phương tiện vận tải khách theo hướng đảm bảo an ninh, an toàn, hiện đại, chất lượng, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Phát triển hệ thống vận tải nội tỉnh gắn kết chặt chẽ với hệ thống vận tải ngoài tỉnh để chủ động hợp tác, hội nhập khu vực và toàn quốc;

- Quy hoạch chi tiết mạng lưới tuyến đáp ứng nhu cầu và tạo thuận lợi cho sự đi lại của nhân dân trên cơ sở đảm bảo hiệu quả khai thác của toàn mạng lưới tuyến đường bộ; tăng cường kết nối các tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh với các phương thức vận tải khác;

- Tập trung đầu tư phát triển phương tiện bảo đảm số lượng và chất lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng tần suất hoạt động. Phát triển vận tải phải theo hướng hiện đại, chất lượng cao với chi phí hợp lý, an toàn, hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng. Đồng thời, xác định quỹ đất hợp lý để phát triển hệ thống bến xe, bãi đỗ xe; tăng cường công tác đảm bảo hành lang an toàn giao thông; kiềm chế tiến tới giảm thiểu tai nạn giao thông, và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;

- Từng bước nâng cao dịch vụ vận tải, hậu cần vận tải và dịch vụ sửa chữa tại chỗ, đáp ứng được nhu cầu vận tải của tỉnh;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, hiệu quả, có tính cạnh tranh cao giữa các đơn vị kinh doanh vận tải. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống bến xe phù hợp với luồng tuyến vận tải nhằm tăng lưu lượng vận chuyển hàng hóa và hành khách.

1.2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu chung

- Hình thành thêm các tuyến xe khách đường dài và liên vận quốc tế (Campuchia) với chất lượng cao; mở rộng thêm các tuyến xe buýt trên các tuyến quốc lộ , đường vành đai; nâng cấp hoạt động hệ thống vận tải taxi, xe buýt;

- Hoàn chỉnh hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu vận tải. Hình thành phương thức vận tải bằng đường sắt phục vụ vận chuyển bô xít, vận tải hành khách phấn đấu đưa cảng hàng không vào khai thác sau năm 2025;

- Hình thành mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định thống nhất và hợp lý trên phạm vi toàn tỉnh, đồng bộ với kết cấu hạ tầng giao thông, đảm bảo

kết nối giữa các địa phương trong tỉnh và kết nối với các phương thức vận tải khác, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và đảm bảo an toàn thuận lợi, chi phí hợp lý;

- Phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên cơ sở quy hoạch và điều kiện thực tế mạng lưới giao thông, phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, kết nối thị xã Gia Nghĩa với các huyện. Góp phần giảm chi phí trong việc đầu tư mua sắm phương tiện cá nhân, chi phí nhiên liệu và an toàn giao thông; cải thiện hệ thống chất lượng dịch vụ và mô hình quản lý vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

- Định hướng và phát triển về số lượng, chất lượng loại hình vận tải khách bằng xe taxi nhằm tạo ra một lực lượng vận tải taxi có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu đi lại của hành khách trong tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025 khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt hơn 3,9 triệu tấn, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 6,2 triệu lượt hành khách; đến năm 2035 khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt hơn 6,0 triệu tấn, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 12,6 triệu lượt hành khách;

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống bến xe và bãi đậu xe ít nhất có 02 bến xe tỉnh đạt tiêu chuẩn loại II trở lên, 07 bến xe ở các huyện, thị xã đạt tiêu chuẩn loại VI; mỗi huyện có ít nhất một bãi đậu xe ở trung tâm huyện, và ít nhất 03 bãi đậu xe tại trung tâm thị xã Gia Nghĩa;

- Đến năm 2025 hình thành 2 cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu ô tô tại Tâm Thắng và Nhân Cơ, tiến tới nâng cấp thành nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô vào năm 2035; phát triển đồng bộ các trạm bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện cơ giới trên địa bàn các huyện, thị xã nằm trên các trục dọc, trục ngang và đường vành đai thị xã Gia Nghĩa.

2. Nội dung quy hoạch

2.1. Quy hoạch về hệ thống bến xe

- Đến năm 2025: Xây dựng hoàn thành bến xe liên tỉnh nằm phía Tây thị xã Gia Nghĩa (khu vực cầu Đắk R'tih) đạt tiêu chuẩn bến xe loại II trở lên; nâng cấp, xây dựng bến xe các huyện đạt tiêu chuẩn cấp IV; xây dựng mới các bến xe đạt tiêu chuẩn loại IV tại xã Nam Dong, huyện Cư Jút; xã Quảng Phú, huyện Krông Nô; xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil; xã Nhân Cơ, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk Rlấp;

- Đến năm 2035: Xây dựng bến xe liên tỉnh phía bắc thị xã Gia Nghĩa đạt tiêu chuẩn loại II trở lên; nâng cấp bến xe các huyện đảm bảo mỗi huyện có 01 bến xe loại II; xây dựng bến xe nội tỉnh tại xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức; xã Quảng Hòa, xã Đắk Som, huyện Đắk G'long.

2.2. Quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe kết hợp điểm đỗ taxi

- Đến năm 2025: Xây dựng bãi đỗ xe đảm bảo các đô thị đều có bãi đậu xe; xây dựng 01 trạm dừng nghỉ trên Quốc lộ 14 thuộc địa bàn xã Trường Xuân, huyện Đắk Song; xây dựng 02 bãi đậu xe phức hợp tại khu vực cửa khẩu Đắk Per và Bu Prăng;

- Đến năm 2035: Xây dựng 01 trạm dừng nghỉ trên Quốc lộ 14C, 01 trạm dừng nghỉ trên Quốc lộ 28; xây dựng bãi đỗ xe kết hợp điểm đỗ taxi tại những nơi đông dân cư trong đô thị, khu vực chợ; các khu vui chơi giải trí, khu thương mại đảm bảo diện tích bãi đỗ xe từ 10% - 15% diện tích xây dựng.

2.3 Quy hoạch tuyến vận tải hành khách cố định

a) Tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh

Quy hoạch các tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt Quyết định số 2288/QĐ-BGTVT ngày 26/6/2015 và điều chỉnh bổ sung tại quyết định số 135/QĐ-BGTVT ngày 15/01/2016, theo đó tỉnh Đắk Nông có 232 tuyến vận tải hành khách cố định, trong đó có 139 tuyến hiện đang khai thác và 93 tuyến được quy hoạch mới. Các tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh sẽ được cập nhật, thay đổi theo điều chỉnh quy hoạch của Bộ Giao thông vận tải.

b) Tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh

Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 02 tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh; đến năm 2025 duy trì hoạt động của các tuyến vận tải đang khai thác theo đúng quy định, bổ sung 16 tuyến mới với tần suất hoạt động đảm bảo lưu lượng vận chuyển hành khách tuyến cố định nội tỉnh đạt 3.840 chuyến/tháng; đến năm 2035 tăng lưu lượng vận chuyển hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân (Chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm).

2.4. Quy hoạch các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe Buýt

Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 06 tuyến xe buýt hoạt động; đến năm 2025 có tổng số 14 tuyến xe buýt hoạt động liên tỉnh, liên huyện; đến năm 2035 tổng số tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn tỉnh là 21 tuyến, trong đó các tuyến hoạt động liên tỉnh, liên huyện gồm 16 tuyến, hoạt động nội đô gồm 05 tuyến; tần suất hoạt động từ 15-60 phút/chuyến.

Các điểm dừng đón, trả khách của xe buýt được bố trí tại các khu dân cư và các khu công nghiệp, có thể điều chỉnh hợp lý theo từng giai đoạn phát triển (Chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm).

2.5. Quy hoạch hoạt động vận tải hành khách bằng xe Taxi

Phát triển mạng lưới vận tải hành khách bằng xe Taxi phải phối hợp với các loại hình vận tải khác để đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, đảm bảo sự phát triển bền vững, giá thành cạnh tranh. Hiện tại số lượng xe taxi trên địa bàn tỉnh là 227 xe, hoạt động trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa, thị trấn Kiến Đức, thị trấn Đắk Mil, thị trấn EaTling; đến năm 2025 số lượng xe taxi trên địa bàn tỉnh khoảng 400 xe, hoạt động trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa, thị trấn Kiến Đức, thị trấn Đắk Mil, thị trấn Ea T'ling, thị trấn Đắk Mâm, thị trấn Đức An; đến năm

2035 số lượng xe Taxi tăng lên khoảng 700 xe, hoạt động trên địa bàn trung tâm các huyện, thị xã.

Để đáp ứng nhu cầu từ nay đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 cần có sự phát triển cả về quy mô và số lượng doanh nghiệp. Hiện tại số đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh là 05 doanh nghiệp; dự kiến đến năm 2025 là 08 doanh nghiệp và đến năm 2035 là 12 doanh nghiệp (Chi tiết tại phụ lục 3 đính kèm).

2.5. Quy hoạch vận tải đường sắt

Theo quy hoạch tổng thể phát triển giao thông đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24/8/2015 của Chính phủ, đến năm 2020 xây dựng tuyến đường sắt Đắk Nông - Chơn Thành (dài 67 Km) để kết nối với đường sắt xuyên Á, đến năm 2030 nghiên cứu xây dựng các tuyến đường sắt kết nối với các tỉnh khu vực Tây Nguyên: Kon Tum - Đắk Lăk - Đắk Nông - Bình Phước dài khoảng 550 Km; tuyến Đắk Nông - Bình Thuận dài khoảng 121 Km.

Hiện tại, Bộ GTVT đã có chủ trương tại văn bản số 1164/BGTVT-KHĐT ngày 27/01/2016, thống nhất chủ trương đầu tư tuyến đường sắt Đắk Nông - Chơn Thành theo hình thức xã hội hóa phục vụ vận chuyển bô xít, dân sinh phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông và các tỉnh khu vực Tây Nguyên.

3.6. Quy hoạch vận tải đường hàng không

Theo quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường hàng không Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009 của Chính phủ, đến năm 2020 sẽ xây dựng nâng cấp sân bay Nhân Cơ với quy mô có thể tiếp nhận loại máy bay nhỏ với quy mô diện tích 250 ha; đường băng dài 2.500m, rộng 45m, kết cấu bê tông xi măng; định hướng đến 2030 sẽ nâng cấp sân bay này nhằm tiếp nhận máy bay loại trung.

Hiện tại, Bộ GTVT đang trình Thủ tướng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Theo đó, đối với Sân bay Nhân Cơ sẽ chuyển thành sân bay chuyên dùng và giao cho Bộ Quốc phòng trên cơ sở quy hoạch phát triển vùng, quy hoạch các địa phương, trong giai đoạn đến năm 2020, Bộ Quốc phòng nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết xây dựng sân bay phục vụ cho hoạt động hàng không chung, bay airtaxi bằng tàu bay trực thăng và tàu bay cánh bằng loại nhỏ.

3. Các giải pháp chính sách thực hiện Quy hoạch

3.1, Giải pháp về công tác quản lý điều hành

- Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực vận tải, tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan Nhà nước với các doanh nghiệp vận tải; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, giám sát hoạt động vận tải tiến tới phát triển hình thành Trung tâm điều hành vận tải hành khách công cộng;

- Thực hiện đổi mới phương tiện không đúng quy chuẩn; xây dựng các tiêu chí hoạt động xe buýt, xe taxi theo đúng quy định;

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm; giám sát thực hiện nghiêm các quy định về kinh doanh vận tải.

3.2. Giải pháp về đầu tư cơ sở hạ tầng

- Với hệ thống bến xe, bãi đậu xe, điểm dừng nghỉ trên địa bàn tỉnh được quy hoạch, các huyện, thị xã phải gắn vào quy hoạch của địa phương và có biện pháp ưu tiên dành quỹ đất để xây dựng cơ sở hạ tầng vận tải;

- Tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội hóa cũng như nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh;

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế (doanh nghiệp, hợp tác xã) tham gia kinh doanh vận tải và dịch vụ vận tải một cách bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh theo pháp luật;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng sơ sở hạ tầng vận tải về tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi; được miễn, giảm tiền thuê, mua đất làm bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ theo quy định; được mở thêm các hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động dịch vụ khác phù hợp theo quy định hiện hành.

3.3. Giải pháp về tăng cường, nâng cao chất lượng dịch vụ

- Thực hiện việc lựa chọn đơn vị tham gia khai thác được căn cứ vào chất lượng, quy mô đơn vị vận tải và lưu lượng vận tải trên tuyến;

- Nghiên cứu ban hành quy định về xếp loại đơn vị kinh doanh vận tải và quy định phạm vị hoạt động đối với từng đơn vị để hạn chế và loại bỏ dần các đơn vị yếu kém, chất lượng dịch vụ thấp;

- Tăng cường công khai thông tin, thiết lập hệ thống phản hồi giữa cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Sở Giao thông vận tải

Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch; thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải trên địa bàn tỉnh; cùng với các Sở: Kế hoạch Đầu tư, Tài chính và UBND các huyện, thị xã xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các doanh nghiệp đầu tư, khai thác bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các tuyến vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh.

4.2. Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện các nội dung liên quan theo quy hoạch này.

4.3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự, các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải; quy hoạch sử dụng đất tại địa phương, nhất là các trung tâm đô thị để tạo quỹ đất bố trí đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng vận tải.

Căn cứ tình hình và nhu cầu đi lại thực tế tại địa phương, nghiên cứu, thống nhất với Sở Giao thông vận tải đề xuất điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết liên quan đến địa phương mình.

4.4. Các doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh

Chấp hành nghiêm túc các quy định về vận tải hành khách; thực hiện việc đăng ký chất lượng vận tải, công khai các chỉ tiêu về chất lượng dịch vụ và thiết lập hệ thống thông tin phải hồi giữa cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp và người dân; xây dựng quy chế quản lý phương tiện, quản lý lạo động, biện pháp xử lý kỷ luật, chế độ khen thưởng đối với người lái xe; thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và đào tạo lại cho đội ngũ lái xe đủ tiêu chuẩn, nâng cao trình độ giao tiếp.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Các nội dung nêu tại Điều 1 Quyết định này là căn cứ thực hiện quy hoạch vận tải tỉnh Đắk Nông. Yêu cầu Sở Giao thông vận tải và UBND các cấp các ngành có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai Quy hoạch theo đúng tiến độ đặt ra.

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức công bố Quy hoạch theo quy định; phối hợp với các ngành có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch, quản lý Quy hoạch; kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân luồng tuyến, nâng cao chất lượng vận tải theo Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học Công nghệ; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD (MNC). 22

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bốn